

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẢO LỘC
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2018/DS-ST

Ngày: 06-8-2018

V/v: Tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản; Tranh chấp hợp đồng
dân sự mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cầm Văn Nam
2. Ông Ngô Xuân Bồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản; tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2018/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/QĐST-DS ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Huỳnh Thị Minh N**, sinh năm 1984. Nơi cư trú: đường L, thôn 6, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông **Trần Văn T**, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Xóm 4, thôn 12, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử cũng như lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Minh N trình bày: Trong năm 2016 bà đã nhiều lần cho ông Trần Văn T vay tiền tổng cộng là 40.525.000 đồng, hẹn

đến 31/12/2016 sẽ trả, cụ thể như sau: ngày 27/01/2016 ông T vay 34.525.000 đồng; ngày 07/12/2016 vay 1.000.000 đồng và ngày 15/12/2016 vay 5.000.000 đồng.

Ngoài ra cũng trong năm 2016 bà thường xuyên bán phân bón và thuốc bảo vệ thực vật cho ông T nhưng ông T vẫn chưa trả tiền mua hàng. Tổng cộng ông T còn đang nợ bà 23.118.000 đồng tiền mua phân bón, cụ thể: ngày 15/5/2016 ông T nợ 1.050.000 đồng; ngày 02/6/2016 nợ 1.350.000 đồng; ngày 12/6/2016 nợ 1.195.000 đồng; ngày 19/6/2016 nợ 700.000 đồng; ngày 29/6/2016 nợ 700.000 đồng; ngày 8/7/2016 nợ 625.000 đồng; ngày 12/7/2016 nợ 1.035.000 đồng; ngày 12/7/2016 nợ 625.000 đồng; ngày 14/7/2016 nợ 1.490.000 đồng; ngày 21/7/2016 nợ 1.064.000 đồng; ngày 29/7/2016 nợ 260.000 đồng; ngày 08/8/2016 nợ 4.476.000 đồng; ngày 08/9/2016 nợ 3.680.000 đồng; ngày 23/8/2016 nợ 78.000 đồng; ngày 10/10/2016 nợ 660.000 đồng; ngày 01/11/2016 nợ 2.480.000 đồng và ngày 8/12/2016 nợ 1.650.00 đồng.

Đến ngày 15/12/2016 bà và ông T đã chốt số nợ tiền vay và tiền mua phân bón của ông T tổng cộng là 63.643.000 đồng (gồm 40.525.000 đồng tiền vay và 23.118.000 đồng tiền mua phân bón) và tiền lãi của số tiền vay gốc 40.525.000 đồng từ ngày 27/01/2016 đến ngày 15/12/2016 là 10.482.000 đồng với mức lãi suất 2,5%/tháng. Quá trình vay tiền ông T chưa trả cho bà bất cứ khoản tiền lãi suất nào. Sau khi chốt nợ bà đã nhiều lần yêu cầu ông T thanh toán số tiền nợ theo giấy nhận nợ ngày 15/12/2016 đã được ông T ký xác nhận nợ, nhưng ông T vẫn không trả.

Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu ông T trả cho bà số tiền mua phân bón còn nợ là 23.118.000 đồng. Đồng thời yêu cầu ông T trả cho bà 40.525.000 đồng tiền vay gốc và 8.744.000 đồng tiền lãi suất cụ thể như sau :

- Tiền lãi suất của số tiền vay 34.525.000 đồng với mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 27/01/2016 đến ngày 6/8/2018 (30 tháng 10 ngày) là 7.854.437 đồng.

- Tiền lãi suất của số tiền vay 1.000.000 đồng với mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 07/12/2016 đến ngày 6/8/2018 (20 tháng) là 150.000 đồng.

- Tiền lãi suất của số tiền vay 5.000.000 đồng với mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 15/12/2016 đến ngày 6/8/2018 (19 tháng 22 ngày) là 740.000 đồng.

Bị đơn ông Trần Văn T đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 208 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bảo Lộc phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên Thẩm phán đã vi phạm thời hạn thụ lý theo quy định Điều 191, Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự nên kiến nghị khắc phục. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông T trả cho nguyên đơn số tiền vay gốc 40.525.000 đồng, tiền lãi suất của số tiền vay gốc là 8.744.000 đồng và số tiền mua phân bón còn nợ là 23.118.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp bất khả kháng, nên căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Bà Huỳnh Thị Minh N cho rằng ông T còn nợ tiền vay và tiền mua phân bón của bà, mặc dù bà đã đòi nhiều lần nhưng đến nay ông T vẫn không trả nên khởi kiện yêu cầu ông T hiện có nơi cư trú tại xã Đambri, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng thanh toán các số tiền này. Vì vậy xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” và “Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản” theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bảo Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đòi ông T trả số tiền vay gốc 40.525.000 đồng và tiền mua phân bón còn nợ là 23.118.000 đồng, Tòa án nhận thấy: Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án với nội dung nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền nợ nói trên theo giấy nhận nợ các bên chốt nợ ngày 15/12/2016 do ông T ký xác nhận; nhưng ông T không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 quy định: “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy, việc ông T có nợ 40.525.000 đồng tiền vay gốc và 23.118.000 đồng tiền mua phân bón của bà N là có thật.

Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là 8.744.000 đồng đối số tiền vay gốc 40.525.000đ. Xét thấy ngày 15/12/2016 bà N và ông T đã chốt số tiền lãi

còn nợ từ ngày 27/01/2016 là 10.482.000 đồng với mức lãi suất 2.5%/tháng; nhưng quá trình xét xử và tại phiên tòa bà N đã yêu cầu ông T trả lãi với mức lãi suất 0,75% là phù hợp quy định về mức lãi suất cơ bản tại Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Do đó, áp dụng Điều 438 và Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T có trách nhiệm trả cho bà N số tiền vay 49.269.000 đồng (gồm 40.525.000 đồng tiền gốc, 8.744.000 đồng tiền lãi suất) và 23.118.000 đồng tiền mua phân bón.

[4]. Xét đề nghị và kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật là: $5\% \times 72.387.000$ đồng (gồm 49.269.000 đồng tiền vay và 23.118.000 đồng tiền mua phân bón).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 438, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Huỳnh Thị Minh N.

Buộc ông Trần Văn T có trách nhiệm trả cho bà Huỳnh Thị Minh N 49.269.000 (*Bốn mươi chín triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn*) đồng tiền vay (gồm 40.525.000 đồng tiền gốc, 8.744.000 đồng tiền lãi suất) và 23.118.000 (*Hai mươi ba triệu một trăm mười tám ngàn*) đồng tiền mua phân bón.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông T phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 3.619.350 (*Ba triệu sáu trăm mười chín ngàn ba trăm năm mươi*) đồng. Bà N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.853.000 (*Một triệu tám trăm năm mươi ba ngàn*) đồng theo biên lai số AA/2016/0002329 ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP. Bảo Lộc;
- Chi cục THADS TP. Bảo Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc